

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 114/2022/DS-ST

Ngày: 28-12-2022.

“V/v trA chấp về hợp đồng dân sự - vay
tài sản”.

**NHÂN DA
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Trinh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Văn Hải.
2. Ông Nguyễn Viết ThA.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Ngọc Hà - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Lãnh tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị ThA Mến - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28/12/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 324/2022/TLST-DS ngày 17/10/2022 về việc “trA chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 340/2022/QĐXXST-DS ngày 07/12/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Bùi Thị B, sinh năm 1963.

Địa chỉ: Số HBL, đường NTH, Tổ HB, Khóm B, Phường B, thành phố CL, tỉnh ĐT.

- Bị đơn:

1. Bà Phạm Thị Vân A (Nhưng), sinh năm 1970;

2. Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1966.

Địa chỉ: Số HBC9, đường NTH, Tổ HB, Khóm B, Phường B, thành phố CL, tỉnh ĐT.

(Bà B, bà Vân A có mặt tại phiên tòa; ông N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày: Năm 2012, bà Bùi Thị B có cho bà Phạm Thị Vân A (Phạm Thị Nhung) và ông Nguyễn Văn N mượn 04 chỉ vàng 24 kara để nuôi heo, bà Nhung và ông N có làm biên nhận cho bà B nhưng bà B đã làm thất lạc biên nhận; hai bên thỏa thuận lãi suất 50.000 đồng/tháng/01 chỉ vàng, thời hạn vay là khi nào bà B cần thì thông báo cho bà Nhung biết để lo trả; bà B giao vàng trực tiếp cho bà Nhung và ông N. Bà Nhung đã trả cho bà B được 03 tháng tiền lãi, số tiền 3.000.000 đồng (200.000 đồng/tháng x 15 tháng) thì ngưng không trả tiếp. Năm 2015, bà B yêu cầu bà Nhung trả 04 chỉ vàng nhưng bà Nhung không đồng ý do để tiền cất nhà và thống nhất không trả lãi. Năm 2016, bà Nhung trả cho bà B 01 chỉ vàng, còn lại 03 chỉ bà Nhung hẹn trả dần nhưng không thực hiện việc trả vốn và lãi cho bà B. Tháng 3/2020, bà B có kiện bà Nhung và ông N và được Bn nhân dân Khóm hòa giải thành ngày 02/7/2020, bà Nhung thừa nhận có nợ bà B 03 chỉ vàng và xin trả dần, quy 03 chỉ vàng ra tiền là 13.410.000 đồng, hàng tháng trả 400.000 đồng cho đến khi trả hết nợ, thời gian trả nợ tính từ tháng 7/2020. Sau khi thỏa thuận, bà Nhung đã trả cho bà B 03 lần tiền, cụ thể như sau:

- Ngày 02/8/2020 trả 400.000 đồng; Ngày 02/9/2020 trả 400.000 đồng.

- Ngày 02/10/2020 trả 200.000 đồng. Tổng cộng trả được 1.000.000 đồng và ngưng không trả tiếp. Sau đó, bà Nhung yêu cầu trả dần hàng tháng số tiền 200.000 đồng cho bà B nhưng bà B không đồng ý nên bà Nhung ngưng trả nợ đến nay. Quá trình quen biết và cho vay vàng, bà B chỉ biết bà Nhung là Phạm Thị Nhung, hòa giải cũng ghi tên Nhung. Khi xác minh biết được ngoài tên Phạm Thị Nhung, bà Nhung còn có tên là Phạm Thị Vân A. Nay bà Bùi Thị B yêu cầu bà Phạm Thị Vân A (Phạm Thị Nhung) và ông Nguyễn Văn N liên đới trả cho bà 03 chỉ vàng 24 kara, không yêu cầu tính lãi, bà B đồng ý trả cho bà Phạm Thị Vân A (Phạm Thị Nhung) và ông Nguyễn Văn N số tiền 1.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, bà Bùi Thị B yêu cầu bà Phạm Thị Vân A và ông Nguyễn Văn N liên đới trả cho bà 03 chỉ vàng 24 kara và yêu cầu trả theo giá vàng trên thị trường quy đổi ra tại thời điểm xét xử sơ thẩm, không yêu cầu tính lãi. Đối với số tiền lãi 1.000.000 đồng do ông N, bà A đóng, bà B đồng ý căn trừ vào tiền gốc sau khi quy đổi vàng thành tiền.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 07/12/2022 bà Phạm Thị Vân A (Nhung) và ông Nguyễn Văn N trình bày: Bà Phạm Thị Vân A và ông Nguyễn Văn N thống nhất lời trình bày của bà B. Nay ông N và bà Vân A đồng ý trả cho bà B 03 chỉ vàng 24 kara và yêu cầu trừ số tiền đã trả là 1.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, bà Vân A thừa nhận có vay của bà B 04 chỉ vàng 24 kara (loại vàng nhẫn), đã trả 01 chỉ và 1.000.000 đồng. Nay bà Vân A đồng ý liên đới với ông N trả cho bà B 03 chỉ vàng 24 kara quy đổi thành tiền là 5.000.000 đồng/chỉ x 03 chỉ = 15.000.000 đồng, trừ 1.000.000 đồng bà Vân A và ông N đã trả trước, còn lại 14.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, ông N vắng mặt nên không trình bày ý kiến về nội dung vụ án.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cao Lãnh phát biểu: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, đương sự và quan điểm giải quyết vụ án:

Việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử chấp hành đúng quy định của pháp luật về tố tụng văn bản tố tụng, đảm bảo tính khách quan, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự trước và tại phiên tòa. Đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 357 và Điều 471 của Bộ luật Dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Yêu cầu, kiến nghị khắc phục: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tra tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện của bà Bùi Thị B và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật trA chấp giữa các đương sự là trA chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản; bà Phạm Thị Vân A và ông Nguyễn Văn N có địa chỉ tại Phường 4, thành phố Cao Lãnh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp theo quy định khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

[1.2] Ông Nguyễn Văn N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Văn N theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị B yêu cầu bà Phạm Thị Vân A và ông Nguyễn Văn N liên đới trả cho bà 03 chỉ vàng 24 kara và yêu cầu trả theo giá vàng trên thị trường quy đổi ra tại thời điểm xét xử sơ thẩm, không yêu cầu tính lãi. Đối với số tiền lãi 1.000.000 đồng do ông N, bà A đóng, bà B đồng ý căn trừ vào tiền gốc sau khi quy đổi vàng thành tiền.

Tại phiên tòa, bà Vân A thừa nhận khi quen biết với bà B, bà có tên Phạm Thị Nhung nhưng tên trong giấy tờ của bà là Phạm Thị Vân A, bà có vay của bà B 04 chỉ vàng 24kara, mục đích vay là để chăn nuôi heo, lo cho kinh tế gia đình nhưng do heo bị bệnh chết hết nên không có tiền trả cho bà B. Quá trình vay, bà Vân A và ông N trả được 01 chỉ vàng và 1.000.000 đồng. Nay bà Vân A đồng ý trả cho bà B 03 chỉ vàng 24 kara, trừ 1.000.000 đồng bà Vân A và ông N đã trả trước.

Tại phiên tòa, bà B và bà Vân A thống nhất số vàng vay còn nợ là 03 chỉ vàng 24kara và thống nhất quy đổi thành tiền với giá vàng tại thời điểm xét xử là 5.000.000 đồng/chỉ vàng 24 kara (loại vàng nhẫn) x 03 chỉ = 15.000.000 đồng, trừ 1.000.000 đồng đã trả trước, còn lại 14.000.000 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy việc bà B yêu cầu bà Vân A (Nhung) và ông N liên đới trả cho bà nợ vay 14.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi là phù hợp lời trình bày của bà Vân A tại phiên tòa, phù hợp với lời trình bày của ông N tại biên bản lấy lời khai ngày 07/12/2022 và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nhưng tại phiên tòa hôm nay ông N không có mặt để trình bày ý kiến về nội dung vụ án. Tuy nhiên, việc bà Vân A và ông N vay nợ là để làm kinh tế phục vụ chung trong gia đình nên ông bà có trách nhiệm liên đới trả nợ cho bà B là có căn cứ. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà B. Buộc bà Phạm Thị Vân A (Nhung) và ông Nguyễn Văn N liên đới trả cho bà B nợ vay là 14.000.000 đồng.

[2.2] Đối với tiền lãi,

[3] Về phát biểu của Kiểm sát viên: Xét lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát thành phố Cao Lãnh là có căn cứ như đã phân tích trên nên chấp nhận.

[4] Về án phí: Bà Vân A (Nhung) và ông N phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Bn thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 357 466, 468 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Bn thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị B.

Buộc bà Phạm Thị Vân A (Nhưng) và ông Nguyễn Văn N liên đới trả cho bà B nợ vay là 14.000.000 đồng.

Kể từ có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Phạm Thị Vân A (Nhưng) và ông Nguyễn Văn N phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 700.000 đồng.

Bà B được nhận tiền tạm ứng án phí là 375.000 đồng theo biên lai tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0011593 ngày 11/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày niêm yết hoặc nhận được bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 - Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 - Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Chi cục THADS TPCL;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Cẩm Trinh